TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2023
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Hải.
Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Trọng và bà Nguyễn Thị Thúy Vân.
Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 106/2023/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGD ngày 15 tháng 8 năm giữa:

Nguyên đơn: ông Hồ Thanh T, sinh năm 1978; nơi cư trú: tổ 5, ấp Tân Thạnh, xã Tân Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: bà Trần Thị T, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn Tường Vân, xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 6 năm 2023, nguyên đơn ông Hồ Thanh Tiến trình bày như sau:

Ông T và bà T, yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và cưới nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 10/8/2007, tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, hai vợ chồng ông Tiến sống với bố mẹ ông Tiến ở tổ 5, ấp Tân Thạnh, xã Tân Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2012, thì giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên to tiếng cãi vả lẫn nhau. Ông T nhiều lần khuyên bảo bà T thay đổi cách cư xử trong cuộc sống hàng ngày nhưng bà T vẫn không thay đổi nên cuộc sống vợ chồng ngày trở nên phức tạp, vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc. Tháng 7/2013, ông T làm đơn ly hôn bà T tại Tòa án nhân dân huyện tân Biên, tỉnh Tây Ninh, sau đó ông T rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Sau đó, bà T đưa cả hai người con bỏ về nhà bố mẹ đẻ của bà T ở thôn Tường Vân, xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị và sinh sống từ đó cho đến nay. Trong thời gian này thỉnh thoảng vợ chồng có liên lạc với nhau qua điện thoại nhưng chủ yếu là thăm gặp con cái. Hàng tháng, ông T vẫn gửi tiền về để nuôi con. Với những lý do trên ông Tiến nhận thấy

tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt dược mục đích, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn bà T.

Về con chung: vợ chồng ông T và bà T có hai người con chung là cháu Hồ Thị Bảo T, sinh ngày 24/3/2010 và cháu Hồ Thị Thảo V, sinh ngày 04/3/2008. Hiện nay cả hai cháu đang ở với bà T và đang do bà T nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, ông T giao cháu T và cháu V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi cả hai cháu mỗi tháng 2.800.000 đồng cho đến khi cả hai cháu thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Đối với bị đơn bà Trần Thị T: tại đơn trình bày ý kiến đề ngày 14/8/2023, bà T trình bày do điều kiện làm ăn nên bà T không thể tham gia các buổi làm việc theo thông báo của Tòa án, bà T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà Trang. Về tình cảm: bà T đồng ý ly hôn ông T; về con chung: vợ chồng có hai người con chung là cháu Hồ Thị Bảo T, sinh ngày 24/3/2010 và cháu Hồ Thị Thảo V, sinh ngày 04/3/2008. Nếu ly hôn bà T có nguyện vọng nuôi cả hai cháu và đồng ý với mức cấp dưỡng mà ông Tiến đưa ra mỗi tháng là 2.800.00 đồng đối với hai cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Luật Hôn nhân gia đình, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Thanh T, xử cho ông Hồ Thanh T được ly hôn bà Trần Thị T; Về con chung: giao cả hai cháu Hồ Thị Bảo T, sinh ngày 24/3/2010 và cháu Hồ Thị Thảo V, sinh ngày 04/3/2008 cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Hồ Thanh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.800.000 đồng cho đến khi cả hai cháu thành niên và có khả năng lao động. Về án phí: ông Hồ Thanh Tiến phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: ngày 29 tháng 6 năm 2023, Tòa án thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" giữa nguyên đơn ông Hồ Thanh T và bị đơn bà Trần Thị T theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thị T cư trú tại xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn bà Trần Thị T, nhưng bà T từ chối không nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Do đó, Tòa án đã lập biên bản về việc bà Trang từ chối nhận

văn bản tố tụng của Tòa án có xác nhận của Công an xã Triệu An. Sau đó, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án nói trên thông qua dịch vụ Viettel post thì bà T đã nhận và ký vào phiếu gửi do dịch vụ Viettel post chuyển cho Tòa án. Hết thời hạn 15 ngày, bà T không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 18/7/2023 và ngày 01/8/2023, Tòa án đã ban hành Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tống đạt hợp lệ cho bà T thông qua dịch vụ Viettel post, bà T đã nhận và ký vào phiếu gửi. Do bà T không đến tham gia tố tụng nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được lần thứ nhất và lần thứ hai, đồng thời thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp chứng cứ cho bà T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 14/8/2023, bà Trang có bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án. Ngày 15/8/2023, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 05/9/2023. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Hồ Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Trần Thị T có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà T theo quy định của pháp luật, nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** ông Hồ Thanh T và bà Trần Thị T yêu nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/8/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Theo ông T trình bày sau khi kết hôn thì hai vợ chồng chung sống với bố mẹ ông Tiến ở tổ 5, ấp Tân Thạnh, xã Tân Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2012 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hợp và bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn làm cho cuộc sống không được hạnh phúc. Nhiều lần, ông T khuyên bảo bà Trang cố gắng thay đổi cách cư xử trong cuộc sống nhưng bà T vẫn không thay đổi. Chính vì những nguyên nhân trên nên tháng 7/2013, ông T đã nộp đơn ly hôn bà T tại Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, sau đó ông T đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Tân Biên đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Sau khi ông T rút đơn khởi kiện thì bà Trang bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình và đưa theo hai con về nhà bố mẹ đẻ của bà Trang ở thôn Hà Tây, xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị sinh sống từ đó cho đến nay. Trong thời gian bà T ở Triệu An thì thỉnh thoảng vợ chồng vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại nhưng chủ yếu hỏi thăm tin tức về con cái. Tại đơn trình bày ý kiến ngày 14/8/2023, bà T đồng ý với ý kiến của ông T về nguyên nhân dẫn đến ông T làm đơn xin ly hôn và bà Trang cũng đồng ý ly hôn với ông Tiến. Ngày 14/8/2023, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân ông T và bà T tại Hội liên hiệp phụ nữ xã Triệu An thì được biết: trong quá trình chung sống ông T và bà T sinh sống tại Tây Ninh nên phía Hội liên hiệp phụ nữ xã Triệu An cũng không rõ nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn giữa ông Tiến và bà T. Tuy nhiên, hiện nay bà T sống ly thân với ông T và và T cùng các con sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của bà Trang ở tại: thôn Hà Tây, xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, còn ông T không sống chung với bà T. Qua xem xét đơn ly hôn của ông T, ý kiến trình bày của bà Trang và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông Tiến và bà T tại Hội liên hiệp phụ nữ xã Triệu An, Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được,

hiện tại vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 20123 cho đến nay. Vì vây, cần chấp nhận yêu khởi kiện của ông Tiến, xử cho ông Tiến được ly hôn với bà Trang là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: ông T và bà T có hai người con chung là cháu Hồ Thị Bảo T, sinh ngày 24/3/2010 và cháu Hồ Thị Thảo V, sinh ngày 04/3/2008. Hiện nay cả hai cháu đang ở với bà T. Về việc nuôi con, Hội đồng xét xử thấy: trong đơn khởi kiện thì ông T có nguyện vọng giao cháu T và cháu V cho bà T nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi cả hai cháu mỗi tháng 2.800.000 đồng cho đến khi cả hai cháu thành niên và có khả năng lao động. Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 14/8/2023 bà T cũng đồng ý nuôi cả hai cháu và đồng ý với mức cấp dưỡng nói trên. Do đó, cần giao hai cháu Hồ Thị Bảo T và Hồ Thị Thảo V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi cả hai cháu mỗi tháng 2.800.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 9/2023 cho đến khi cả hai cháu thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[**5] Về án phí:** ông Hồ Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về Điều luật áp dụng: căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, xử:

- Về tình cảm: xử cho ông Hồ Thanh T được ly hôn bà Trần Thị T.

- Về con chung: giao cả hai cháu Hồ Thị Bảo T, sinh ngày 24/3/2010 và Hồ Thị Thảo V, sinh ngày 04/3/2008 cho bà Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Hồ Thanh T cấp dưỡng nuôi cả hai cháu Bảo T và Thảo V mỗi tháng 2.800.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 9/2023 cho đến khi cả hai cháu thành niên và có khả năng lao động

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: ông Hồ Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000477 ngày 26/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Ông Hồ Thanh Tiến còn phải nộp 300.000 đồng.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- THADS huyện Triệu Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Tân Bình;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư .

Nguyễn Xuân Hải